

Phần hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

A – CÔNG DÂN VỚI KINH TẾ

Bài 1. CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất đối với đời sống xã hội.
- Nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.
- Nêu được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

2. Về kĩ năng

Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.

3. Về thái độ

- Tích cực tham gia xây dựng kinh tế gia đình và địa phương.
- Tích cực học tập để nâng cao chất lượng lao động của bản thân, góp phần xây dựng kinh tế đất nước.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

– Làm rõ vai trò quyết định của sản xuất của cải vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người

– Các yếu tố của quá trình sản xuất : sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động, trong đó sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất.

– Nội dung khái niệm phát triển kinh tế và ý nghĩa của sự phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

b) Một số nội dung mới và khó

– *Khẳng định sản xuất của cải vật chất là cơ sở tồn tại, phát triển của xã hội loài người.* Đây là cơ sở lí luận để giải thích các hiện tượng kinh tế – xã hội. Bởi vì, phương thức sản xuất của cải vật chất là cơ sở nảy sinh và quy định các quan hệ xã hội, ý thức và tinh thần của xã hội. Quá trình phát triển của lịch sử loài người là sự thay thế, kế tiếp nhau của các phương thức sản xuất của cải vật chất, phương thức sản xuất sau tiến bộ và hoàn thiện hơn phương thức sản xuất trước.

– *Phân biệt hai khái niệm : "sức lao động" và "lao động",* trong đó "lao động" là khái niệm có nội hàm rộng hơn. Sức lao động mới chỉ là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực. Bởi vì : Để thực hiện được quá trình lao động thì không chỉ cần có sức lao động mà còn phải có tư liệu sản xuất (TLSX). Hay nói cách khác, chỉ khi nào sức lao động kết hợp được với tư liệu sản xuất thì mới có lao động.

Người có sức lao động muốn thực hiện quá trình lao động thì phải tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm. Mặt khác, nền sản xuất xã hội phải phát triển, tạo ra nhiều việc làm để thu hút sức lao động.

– *Mọi đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên, nhưng không phải mọi yếu tố tự nhiên đều là đối tượng lao động.* Bởi vì, chỉ những yếu tố tự nhiên nào mà con người đang tác động trong quá trình sản xuất nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của mình thì mới gọi là đối tượng lao động. Những yếu tố

tự nhiên mà con người chưa biết đến, chưa khám phá, chưa tác động thì chưa trở thành đối tượng lao động.

– Ranh giới phân chia giữa đối tượng lao động và tư liệu lao động là có tính tương đối. Một vật trong mối quan hệ này là đối tượng lao động, nhưng trong mối quan hệ khác lại là tư liệu lao động. Đối tượng lao động và tư liệu lao động kết hợp lại thành tư liệu sản xuất. Chúng đều là những yếu tố cấu thành từ tự nhiên. Vì vậy, để đảm bảo cho quá trình sản xuất của cải vật chất của xã hội loài người thường xuyên ổn định và phát triển, cần phải nâng cao ý thức bảo vệ để tài nguyên thiên nhiên, môi trường có thể được tái tạo.

– Trong các yếu tố của quá trình sản xuất thì sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất. Bởi vì, sức lao động là yếu tố giữ vai trò chủ thể, sáng tạo, là nguồn lực không cạn kiệt ; xét cho đến cùng thì trình độ phát triển của tư liệu sản xuất chính là sự biểu hiện sức sáng tạo của con người. Vì vậy, trên thế giới có những nước không giàu về tài nguyên thiên nhiên nhưng lại có trình độ phát triển kinh tế cao như : Nhật Bản, Hàn Quốc..., vì ở những nước này có chất lượng sức lao động cao. Ngược lại, có không ít nước giàu tài nguyên thiên nhiên nhưng kinh tế chậm phát triển vì nguồn lực con người chưa được phát huy.

Để phát triển kinh tế – xã hội, các quốc gia phải đầu tư phát triển nguồn lực con người, nâng cao chất lượng sức lao động. Có nhiều yếu tố tác động đến chất lượng nguồn lực con người như : điều kiện tự nhiên, chế độ chính trị – xã hội, truyền thống văn hoá, lịch sử... nhưng trước hết để nâng cao thể lực, trí tuệ của con người cần phải chú ý phát triển các ngành sản xuất vật phẩm tiêu dùng, y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao... Chính vì vậy, Đảng ta đã xác định : Đầu tư cho con người là đầu tư cho sự phát triển ; phát triển khoa học – công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

– Khi phân tích nội dung của khái niệm "Phát triển kinh tế", trước hết cần phân biệt với khái niệm "Tăng trưởng kinh tế", trong đó, khái niệm phát triển kinh tế là khái niệm có nội hàm rộng hơn ; hay nói cách khác, tăng trưởng kinh tế chỉ là một khía cạnh, nội dung của phát triển kinh tế. Tăng trưởng kinh tế là yếu tố đầu tiên, quan trọng, giữ vai trò là cơ sở của phát triển kinh tế. Nhưng phát triển kinh tế không chỉ biểu hiện ở sự tăng trưởng kinh tế mà còn bao hàm sự tăng trưởng kinh tế dựa trên một cơ cấu kinh tế hợp lí đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội.

Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kì nhất định. Để phản ánh sự tăng trưởng kinh tế, hiện nay trên thế giới người ta dùng tiêu chí : tổng sản phẩm quốc dân (GNP), hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) là tổng giá trị tính bằng tiền của những hàng hoá và dịch vụ mà một nước sản xuất ra từ các yếu tố sản xuất của mình (dù là sản xuất ở trong nước hay ở ngoài nước) trong một thời kì nhất định (thường là một năm).

– Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là tổng giá trị tính bằng tiền của toàn bộ hàng hoá và dịch vụ mà một nước sản xuất ra trên lãnh thổ của nước đó (dù nó thuộc về người trong nước hay người nước ngoài) trong một thời kì nhất định (thường là một năm).

So sánh tổng sản phẩm quốc dân (GNP) với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ta thấy : $GNP = GDP + \text{thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài}$.

Thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài = Thu nhập chuyển về nước của công dân nước đó làm việc ở nước ngoài trừ đi thu nhập của người nước ngoài làm việc tại nước đó.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

– Bài này có nhiều khái niệm mới và cơ bản, yêu cầu HS cần nắm vững để vận dụng, do đó, chủ yếu dùng phương pháp giảng giải kết hợp với gợi mở, nêu vấn đề ; lấy ví dụ minh hoạ ; liên hệ với thực tiễn.

– Phát triển kinh tế có ý nghĩa đối với cá nhân, gia đình và xã hội. Nội dung này nên tổ chức cho HS thảo luận, rèn luyện kỹ năng diễn đạt, làm phong phú thêm những vấn đề đã nêu trong SGK.

3. Về phương tiện dạy học

Cần dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ, biểu bảng, hoặc đèn chiếu...

Ví dụ :

– *Sơ đồ về mối quan hệ giữa 3 yếu tố của quá trình sản xuất :*

Sức lao động → Tư liệu lao động → Đối tượng lao động ⇒ Sản phẩm

– *Sơ đồ về các bộ phận hợp thành của từng yếu tố sản xuất :*

- + Sức lao động :
 - Thể lực
 - Trí lực
- + Tư liệu lao động :
 - Công cụ lao động
 - Hệ thống bình chứa của sản xuất
 - Kết cấu hạ tầng sản xuất
- + Đối tượng lao động :
 - Loại có sẵn trong tự nhiên
 - Loại đã trải qua tác động của lao động.

– Sơ đồ về nội dung của phát triển kinh tế

- Phát triển kinh tế :
 - Tăng trưởng kinh tế
 - Cơ cấu kinh tế hợp lí
 - Công bằng xã hội

4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập :

Câu 1 : Hãy phân biệt đối tượng lao động với tư liệu lao động của một số ngành sản xuất mà em biết.

Trước hết, HS phải nắm vững khái niệm đối tượng lao động, tư liệu lao động và các yếu tố cấu thành nó. Trên cơ sở đó, học sinh lấy ví dụ một số ngành sản xuất và phân biệt đối tượng lao động với tư liệu lao động trong từng ngành. Ví dụ, ngành nông nghiệp : đối tượng lao động là đất đai, cây trồng... Còn tư liệu lao động là : trâu bò, máy cày, kênh mương tưới, tiêu nước ...

Câu 2 : Hãy chỉ ra những điều kiện khách quan, chủ quan để người có sức lao động thực hiện được quá trình lao động.

Sức lao động mới chỉ là khả năng cần thiết để có thể tiến hành lao động, còn lao động sản xuất là quá trình kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất. Vì vậy, để có quá trình lao động diễn ra trên thực tế thì cần phải có đủ điều kiện khách quan và chủ quan.

Về khách quan : Nền kinh tế phải phát triển, tạo ra được nhiều việc làm để thu hút lao động, tạo cơ hội cho người lao động có việc làm.

Về chủ quan : Người lao động phải tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm ; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ sức lao động của mình về thể lực, trí lực để đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Từ đó, HS có thể nêu ra ví dụ và phân tích vì sao lại có tình trạng người thất nghiệp.

Câu 3 : Hãy cho biết vì sao Đảng ta xác định : Phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu ?

Để trả lời được câu hỏi này, HS cần phải làm rõ vai trò quyết định của sức lao động trong các yếu tố của quá trình sản xuất. Điều này thể hiện ở chỗ : Sức lao động mang tính sáng tạo nên nó là nguồn lực không cạn kiệt. Ngoài ra, *xét về thực chất, trình độ phát triển của tư liệu sản xuất là sự biểu hiện của trình độ sức lao động*. Giáo dục – đào tạo là quá trình tái sản xuất mở rộng sức lao động, Khoa học, công nghệ là đòn bẩy phát triển kinh tế. Vì vậy, Đảng ta xác định : Phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm trực tiếp bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng sức lao động, phát huy sức sáng tạo của người lao động... để đảm bảo cho nền kinh tế phát triển bền vững.

b) *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*

– Đánh giá kết quả học tập của HS là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của HS, đồng thời qua đó có thể xác định rõ những nguyên nhân tác động đến quá trình giáo dục để GV có những quyết định sư phạm kịp thời giúp cho HS học tập ngày càng tiến bộ hơn. Vì vậy, yêu cầu về nội dung, biện pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá phải bám sát mục tiêu bài học. Đặc biệt, việc kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục công dân không chỉ chú ý đến yêu cầu về kiến thức mà còn phải gắn với việc rèn luyện kỹ năng và thái độ của HS.

– Cuối mỗi tiết học, hoặc cuối mỗi bài cần có hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhằm kiểm tra nhanh mức độ nắm kiến thức của HS sau tiết học, bài học.

– Kiểm tra 15 phút hoặc 45 phút cần kết hợp 2 dạng câu hỏi : tự luận và trắc nghiệm khách quan, trong đó câu hỏi tự luận nên tăng cường khả năng độc lập suy nghĩ sáng tạo và liên hệ với thực tiễn để khắc phục tình trạng "học vẹt" của học sinh. Ví dụ : Ngoài những câu hỏi ở phần bài tập của SGK, giáo viên có thể tham khảo thêm một số câu hỏi sau :

1. Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố nào là quan trọng và quyết định nhất ? Vì sao ?
2. Hãy phân tích trách nhiệm của công dân trong việc góp phần nâng cao chất lượng của các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất ?
3. Tăng trưởng kinh tế có đồng nhất với phát triển kinh tế không ? Vì sao ?

– Trong 7 câu hỏi và bài tập trong SGK, chúng ta thấy : Câu 1 có thể dùng để kiểm tra, đánh giá kỹ năng so sánh của HS trong quá trình học tập ; Câu 2, 3, 6 đánh giá được mức độ nắm vững kiến thức sâu và chắc về mặt lí luận gắn với thực tiễn ; Câu 4 kiểm tra được mức độ hiểu nội dung học tập ; Câu 5 và 7 kiểm tra, đánh giá về thái độ và hành vi của HS.

– Trong 3 câu hỏi bổ sung : Câu hỏi 1 kiểm tra, đánh giá về năng lực phân tích để hiểu kiến thức sâu và chắc ; Câu hỏi 2 kiểm tra, đánh giá về khả năng tư duy sáng tạo gắn với trách nhiệm của HS ; Câu hỏi 3 kiểm tra, đánh giá về kỹ năng phân tích và so sánh khái niệm.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở bài

– Định hướng chung của phần mở đầu bài học là : Làm thế nào cho HS hiểu được vai trò, ý nghĩa to lớn và cấp thiết của sự phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay. Mỗi người dân Việt Nam phải có trách nhiệm, quyết tâm góp phần chiến thắng đói nghèo, lạc hậu để đưa nước ta tiến lên đuổi kịp các nước phát triển.

– Ngoài cách mở đầu bài học như trong SGK, còn có thể mở bài như sau :

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói :

*"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên".*

Trong công cuộc đổi mới hôm nay, HS, thanh niên – sức trẻ của dân tộc – có vai trò quan trọng như thế nào và phải làm gì để góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế đất nước theo lời dạy trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh ?

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Bài này thực hiện trong 2 tiết :

+ *Tiết 1* : Thực hiện 2 mục : Sản xuất của cải vật chất ; Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

+ *Tiết 2* : Thực hiện mục 3 : Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

a) *Dạy học đơn vị kiến thức 1* : Sản xuất của cải vật chất.

* *Mức độ kiến thức* : Nêu được thế nào là sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội.

* *Cách thức thực hiện* : Sau khi nêu khái niệm sản xuất của cải vật chất, GV có thể đặt ra các câu hỏi dẫn dắt, gợi mở để HS tự trả lời (hoặc cho HS thảo luận nhóm) về vai trò quyết định của sản xuất của cải vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. GV khái quát và nhấn mạnh một số ý cơ bản sau :

– Sản xuất ra của cải vật chất để duy trì sự tồn tại của con người và xã hội loài người.

– Thông qua lao động sản xuất, con người được cải tạo, phát triển và hoàn thiện cả về thể chất và tinh thần.

– Hoạt động sản xuất là trung tâm, là tiền đề thúc đẩy các hoạt động khác của xã hội phát triển.

– Lịch sử xã hội loài người là một quá trình phát triển và hoàn thiện liên tục của các phương thức sản xuất của cải vật chất, là quá trình thay thế phương thức sản xuất cũ đã lạc hậu bằng phương thức sản xuất tiến bộ hơn.

Trên cơ sở những nội dung nêu trên có thể rút ra kết luận : Việc khẳng định sản xuất của cải vật chất là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người là quan điểm duy vật lịch sử. Nó là cơ sở để xem xét và giải quyết các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá trong xã hội.

b) *Dạy học đơn vị kiến thức 2* : Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

* *Mức độ kiến thức* : Nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.

* *Cách thức thực hiện* : Trước hết, GV trình bày sơ đồ về mối quan hệ giữa các yếu tố của quá trình sản xuất : Sức lao động → Tư liệu lao động → Đối tượng lao động ⇒ Sản phẩm. Sau đó, đi vào phân tích từng yếu tố :

– *Sức lao động*. Nêu sơ đồ về các yếu tố hợp thành sức lao động bao gồm : thể lực và trí lực. Sau đó yêu cầu HS chứng minh rằng : Thiếu một trong hai yếu tố thì con người không thể có sức lao động.

+ Khi phân tích khái niệm "lao động", cần nhấn mạnh tính có mục đích, có ý thức trong hoạt động lao động của con người, là phẩm chất đặc biệt của con người so với loài vật. GV có thể chỉ ra cho HS thấy một số khía cạnh thể hiện tính có ý thức của con người trong lao động là : lao động có kế hoạch, tự giác, sáng tạo ra phương pháp và công cụ lao động, có kỉ luật và cộng đồng trách nhiệm...

+ Đặt câu hỏi : Tại sao nói sức lao động mới chỉ là khả năng, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực ? Bởi vì, chỉ khi sức lao động kết hợp với tư liệu sản xuất thì mới có quá trình lao động. Vì vậy, người có sức lao động muốn thực hiện quá trình lao động thì phải tích cực tìm kiếm việc làm, đồng thời xã hội phải tạo ra được nhiều việc làm để thu hút sức lao động.

– *Đối tượng lao động*. Khi phân tích khái niệm "đối tượng lao động", cần chú ý xác định đối tượng lao động là một bộ phận của giới tự nhiên mà con người đang tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của mình. Vì vậy, trong quá trình lao động sản xuất và trong đời sống hằng ngày, mọi người cần có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái.

+ GV có thể đặt câu hỏi : Mọi đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên, nhưng có phải mọi yếu tố tự nhiên đều là đối tượng lao động không ?

+ Sau đó, GV đưa ra sơ đồ phân chia đối tượng lao động thành hai loại, cho HS lấy ví dụ minh họa về đối tượng lao động của một số ngành, nghề khác nhau trong xã hội.

Trong khi phân tích đối tượng lao động, cần chú ý đi sâu làm rõ đối tượng lao động ở dạng nguyên liệu, vai trò của khoa học – công nghệ đối với việc tạo ra nhiều dạng đối tượng lao động mới thúc đẩy sản xuất phát triển.

– *Tư liệu lao động*. GV đưa ra sơ đồ về các bộ phận hợp thành tư liệu lao động : công cụ sản xuất, hệ thống bình chứa của sản xuất, kết cấu hạ tầng sản xuất. Sau đó, yêu cầu HS phát biểu ý kiến phân biệt các bộ phận của tư liệu lao động ở một số ngành trong xã hội.

+ Trong khi làm rõ khái niệm "tư liệu lao động", GV cần chú ý hướng HS vào đánh giá vai trò, tầm quan trọng của từng loại tư liệu lao động, trong đó,

công cụ sản xuất là yếu tố quan trọng và quyết định nhất, thể hiện rõ nét nhất trình độ phát triển kinh tế – xã hội của một quốc gia. Kết cấu hạ tầng sản xuất phải đi trước một bước để tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, điều này càng có ý nghĩa quan trọng đối với nước ta hiện nay.

+ Sau khi phân tích xong "tư liệu lao động", cần chỉ cho HS thấy tính độc lập tương đối giữa "tư liệu lao động" với "đối tượng lao động". Tư liệu lao động kết hợp với đối tượng lao động thành tư liệu sản xuất. Vì vậy, có thể diễn đạt khái quát các yếu tố của quá trình lao động sản xuất như sau :

Sức lao động + Tư liệu sản xuất \Rightarrow Sản phẩm

– Sau khi phân tích 3 yếu tố cơ bản của quá trình lao động sản xuất và mối quan hệ giữa chúng, GV *kết luận về mối quan hệ giữa các yếu tố sản xuất, rút ra ý nghĩa lí luận và thực tiễn của việc nghiên cứu, học tập vấn đề này.* Đây là một trong những trọng tâm kiến thức cần khắc sâu, GV nên dành thời gian đáng kể để phân tích, giảng giải, liên hệ với thực tiễn, trong đó, nhấn mạnh sức lao động là chủ thể sáng tạo, là nguồn lực không cạn kiệt, là yếu tố quan trọng và quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế. Vì vậy, phải xác định bồi dưỡng và nâng cao chất lượng sức lao động – nguồn lực con người là quốc sách hàng đầu. Tư liệu lao động và đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên, nên đồng thời với phát triển sản xuất, phải quan tâm bảo vệ để có thể tái tạo ra tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3 : Phát triển kinh tế.*

* *Mức độ kiến thức :* Nêu được thế nào là phát triển kinh tế.

* *Cách thức thực hiện :* GV trình bày sơ đồ về nội dung của phát triển kinh tế, sau đó phân tích từng nội dung gắn với liên hệ thực tế ở nước ta hiện nay trên các khía cạnh về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực trạng nền kinh tế và phương hướng, giải pháp thực hiện.

– *Tăng trưởng kinh tế.* GV giúp cho HS nắm được biểu hiện của tăng trưởng kinh tế và các thước đo tăng trưởng kinh tế của một quốc gia : GDP, GNP. Phân tích tăng trưởng kinh tế phải gắn với chính sách dân số phù hợp.

– *Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ* để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững. Nội dung này GV cần làm cho HS nắm được những ý cơ bản sau : Khái niệm cơ cấu kinh tế gồm : cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế, trong đó nhấn mạnh cơ cấu ngành kinh tế đang xây

dựng ở nước ta là : công – nông nghiệp – dịch vụ (yêu cầu HS liên hệ với cơ cấu kinh tế của địa phương mình) ; Các yêu cầu cơ bản của một cơ cấu kinh tế hợp lí (liên hệ với thực tiễn).

+ Khi đề cập tới cơ cấu kinh tế tiến bộ, GV cần đưa ra số liệu thống kê về sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta trong mấy năm gần đây để chứng minh rằng cơ cấu kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Cơ cấu kinh tế tiến bộ là cơ cấu kinh tế trong đó tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ tăng dần, còn tỉ trọng ngành nông nghiệp giảm dần.

+ Xây dựng cơ cấu kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái để đảm bảo sự phát triển bền vững (ổn định, lâu dài và phát triển liên tục).

– *Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội.* Trình bày nội dung này cần chú ý phân tích vấn đề tạo cơ hội ngang nhau cho mọi người trong cống hiến và hưởng thụ. Để làm rõ vấn đề này, GV cần nêu ra các chính sách kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước đã và đang thực hiện để xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa miền xuôi và miền ngược, giữa thành thị với nông thôn, không chỉ về đời sống vật chất mà cả về đời sống tinh thần, văn hoá...

d) *Dạy học đơn vị kiến thức 4 : Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội ?*

* *Mức độ kiến thức :* Nêu được ý nghĩa của sự phát triển kinh tế đối với mỗi cá nhân, gia đình và xã hội.

* *Cách thức thực hiện :* Các nội dung của mục này thể hiện ý nghĩa to lớn và toàn diện của phát triển kinh tế trên các khía cạnh kinh tế, chính trị, xã hội và phát triển con người.

Trong khi phân tích từng nội dung trong mục này, cần phải đưa ra những số liệu, dẫn chứng phù hợp và mang tính thuyết phục ; đồng thời yêu cầu HS tự liên hệ, xác định tình cảm, trách nhiệm và động cơ phấn đấu để góp phần xứng đáng vào phát triển kinh tế đất nước, nhanh chóng khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế của nước ta so với các nước phát triển.

3. Phần củng cố

Yêu cầu HS lên bảng vẽ sơ đồ về các yếu tố hợp thành của sức lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động, quá trình lao động sản xuất, phát triển kinh tế ; đồng thời, tất cả HS trong lớp cùng tham gia đánh giá, bổ sung và phát biểu về tầm quan trọng của các vấn đề nêu trên.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình *Kinh tế chính trị Mác – Lê-nin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999 (từ tr. 40 – 87).

2. Giáo trình *Kinh tế chính trị Mác – Lê-nin* (dùng cho khối ngành Kinh tế – Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002 (tr. 24 – 53).

3. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, Tập 23, (tr. 265 – 278).

4. Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

5. C. Mác : "Các tư liệu lao động không những là cái thước đo sự phát triển sức lao động của con người, mà còn là một chỉ tiêu của những quan hệ xã hội trong đó lao động được tiến hành. Trong bản thân các tư liệu lao động, thì những tư liệu lao động cơ khí – mà toàn bộ có thể gọi là hệ thống xương cốt và bắp thịt của sản xuất – lại cấu thành những dấu hiệu đặc trưng tiêu biểu cho một thời đại sản xuất xã hội nhất định, một cách còn rõ ràng hơn nhiều so với những tư liệu lao động chỉ dùng để bảo quản những đối tượng lao động mà toàn bộ nói chung có thể gọi là hệ thống bình chứa của sản xuất như ống, thùng, giỏ, vại..."⁽¹⁾.

6. C. Mác : "Như vậy, một giá trị sử dụng nhất định thể hiện ra là nguyên liệu, tư liệu lao động hay sản phẩm, điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào chức năng nhất định của nó trong quá trình lao động, vào vị trí của nó trong quá trình ấy, và vị trí ấy thay đổi thì tính quy định của nó cũng thay đổi theo"⁽²⁾.

7. "Tư tưởng của Chiến lược là phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"⁽³⁾.

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, Tập 23, tr. 269 – 270.

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, Sdd, Tập 23, tr. 273.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 25.

8. "Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương ; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế – xã hội" ⁽¹⁾.